

Số: *935* /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày *07* tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước
của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục báo cáo định kỳ quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành hoặc tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành (*Chi tiết tại Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Quyết định số 3077/QĐ-BKHCN ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ công bố Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Trường hợp các chế độ báo cáo có sự thay đổi theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật (bao gồm cả việc ban hành mới), các đơn vị trực thuộc



Bộ được giao chủ trì thực hiện chế độ báo cáo phối hợp với Văn phòng Bộ để cập nhật, trình công bố điều chỉnh Danh mục báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày văn bản quy định chế độ báo cáo có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để chỉ đạo);
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Đại học Quốc gia;
- Các Ban quản lý các Khu công nghệ cao;
- Cổng thông tin điện tử Bộ KH&CN (để đăng tải);
- Lưu: VT, VP. *Th*



Bùi Thế Duy





Phụ lục

DANH MỤC BÁO CÁO ĐỊNH KỲ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Kèm theo Quyết định số 935/QĐ-BKHCN ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
A	Báo cáo giữa các cơ quan hành chính nhà nước					
I	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN)					
1	Báo cáo tình hình xây dựng cơ chế, chính sách pháp luật trong lĩnh vực KH&CN	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	PC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 1 Điều 4)
2	Báo cáo kết quả công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực KH&CN	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TTra	Năm	
3	Báo cáo kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí KH&CN					
3.1	Kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho KH&CN của địa phương	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	KHTC; ĐP	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản
3.2	Kết quả phân bổ và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước chi cho KH&CN của Bộ, ngành	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	KHTC; XNT; CNN; CNC	Năm	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
3.3	<i>Kết quả hoạt động và sử dụng kinh phí của quỹ phát triển KH&CN</i>	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	KHTC	Năm	2 Điều 4)
4	Báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và kết quả hoạt động chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thông tin KH&CN					
4.1	<i>Kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</i>	Bộ, ngành; Đại học quốc gia; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	KHTC, ĐP, XNT, CNC, CNN	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 3 Điều 4)
4.2	<i>Kết quả hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ƯDCN	Năm	
4.3	<i>Kết quả hoạt động đổi mới công nghệ trên cả nước</i>	Bộ KH&CN	Chính phủ	UDCN	Năm	
4.4	<i>Kết quả hoạt động đăng ký chuyển giao công nghệ</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ĐTĐG	Năm	
4.5	<i>Kết quả hoạt động thông tin KH&CN</i>	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TTKHCN	Năm	
5	Báo cáo tình hình triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	HVKHCN	Năm	Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (điểm a khoản 1 Điều 2)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
6	Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	ƯDCN; NATIF	Năm	Thông tư số 06/2021/TT-BKHCN ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (khoản 4 Điều 17)
7	Báo cáo tình hình triển khai Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	ƯDCN	Năm	Quyết định số 138/QĐ-TTg ngày 26/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (khoản 1, 7 Điều 2)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
8	Báo cáo tình hình hoạt động thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư; Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước					
8.1	<i>Tình hình thẩm định cơ sở khoa học chương trình phát triển kinh tế - xã hội và thẩm định công nghệ dự án đầu tư</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ĐTĐ	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 4 Điều 4)
8.2	<i>Tình hình thẩm định, có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư của Bộ, ngành</i>	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	ĐTĐ	Năm	
8.3	<i>Tình hình thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN không sử dụng ngân sách nhà nước</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ĐTĐ	Năm	
9	Báo cáo phát triển nhân lực KH&CN; phát triển hạ tầng KH&CN					
9.1	<i>Kết quả phát triển nhân lực KH&CN</i>	Bộ, ngành; Đại học quốc gia; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TCCB	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 5 Điều 4)
9.2	<i>Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TCCB	Năm	
9.3	<i>Tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của tổ chức KH&CN công lập</i>	Bộ, ngành; Đại học quốc gia,	Bộ KH&CN	TCCB	Năm	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
9.4	<i>Tình hình phát triển hạ tầng KH&CN</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ĐP	Năm	
10	Báo cáo tình hình sử dụng, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	- Bộ KH&CN và Bộ Ngoại Giao; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	TCCB	Năm	Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22/9/2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam (khoản 6 Điều 2)
11	Báo cáo kết quả cấp Giấy chứng nhận trong hoạt động KH&CN					
11.1	<i>Kết quả cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động KH&CN</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	VPĐK	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
11.2	<i>Kết quả cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	PTTIDN	Năm	Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 6 Điều 4)
11.3	<i>Tình hình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá, giám định công nghệ</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	DTG	Năm	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (khoản 2 Điều 40)
12	Báo cáo tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia, thị trường KH&CN					
12.1	<i>Tình hình triển khai phát triển thị trường KH&CN</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	PTTIDN	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKH&CN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 7 Điều 4)
12.2	<i>Tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia</i>	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	PTTIDN	Năm	
12.3	<i>Tình hình triển khai phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia trên cả nước</i>	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	PTTIDN	Năm	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
13	Báo cáo tình hình nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	Bộ Tài chính	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTgCP	DTG	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 8 Điều 4)
14	Báo cáo kết quả hoạt động của các Khu công nghệ cao					
14.1	<i>Kết quả hoạt động của Khu công nghệ cao</i>	Các Ban quản lý khu công nghệ cao	Bộ KH&CN	CNC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 9 Điều 4)
14.2	<i>Kết quả hoạt động của các Khu công nghệ cao trên cả nước</i>	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	CNC	Năm	
II	Lĩnh vực sở hữu trí tuệ					
15	Báo cáo kết quả hoạt động sở hữu trí tuệ					
15.1	<i>Kết quả công tác quản lý về sở hữu trí tuệ và triển khai các biện pháp thúc đẩy hoạt động sáng kiến tại địa phương</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	SHTT	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ
15.2	<i>Tình hình triển khai các biện pháp thúc</i>	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	SHTT	Năm	

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
	<i>đầy hoạt động sáng kiến của bộ, ngành</i>					thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (<i>khoản 10 Điều 4</i>)
15.3	<i>Kết quả thực thi quyền sở hữu công nghiệp</i>	Bộ Tài chính; Bộ Công thương; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Công an	Bộ KH&CN	SHTT	Năm	
III	Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng					
16	Báo cáo tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật; hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy					
16.1	<i>Tình hình xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy chuẩn kỹ thuật địa phương</i>	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (<i>khoản 11 Điều 4</i>)
16.2	<i>Tình hình tiếp nhận hồ sơ công bố hợp chuẩn/hợp quy</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	
17	Báo cáo tình hình quản lý, xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, thành phố	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (<i>khoản 12 Điều 4</i>)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
18	Báo cáo kết quả hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại					
18.1	<i>Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại địa phương</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKH&CN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 13 Điều 4)
18.2	<i>Kết quả hoạt động thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (TBT) tại Bộ, ngành</i>	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	
18.3	<i>Kết quả hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam và kết quả hoạt động của Ban liên ngành TBT</i>	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	TĐC	Năm	
19	Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về đo lường	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKH&CN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 14 Điều 4)
20	Báo cáo tình hình và kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp					

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
20.1	<i>Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của địa phương</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 15 Điều 4)
20.2	<i>Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của Bộ, ngành</i>	Bộ, ngành	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	
20.3	<i>Tình hình chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp</i>	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	TĐC	Năm	
20.4	<i>Kết quả kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa và hoạt động đánh giá sự phù hợp</i>	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	TĐC	Năm	
21	Báo cáo tình hình triển khai các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ					
21.1	<i>Báo cáo tình hình triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001</i>	- UBND cấp tỉnh; - Bộ, ngành	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	TĐC	Năm	Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (khoản 6 Điều 12)
21.2	<i>Báo cáo tình hình thực hiện Đề án "Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam"</i>	UBND cấp tỉnh;	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN	TĐC	Năm	Quyết định số 996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
	<i>nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030"</i>		tổng hợp, báo cáo TTg			"Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" (điểm a khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 2)
21.3	<i>Báo cáo tình hình thực hiện Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc</i>	Các Bộ, cơ quan liên quan	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	TĐC	Năm	Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 19/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc (điểm đ khoản 1 Mục IV Điều 1)
21.4	<i>Báo cáo tình hình thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030</i>	- UBND cấp tỉnh; - Các Bộ: Công thương, NN&PTNT, Y tế, Giao thông vận tải, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông	- Bộ KH&CN; - Bộ KH&CN tổng hợp, báo cáo TTg	TĐC	Năm	Quyết định 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030 (điểm đ khoản 2, điểm đ khoản 5 Mục IV Điều 1)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
IV	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử; an toàn bức xạ và hạt nhân					
22	Báo cáo về công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân; phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử					
22.1	<i>Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân tại địa phương</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	ATBXHN	Năm	Thông tư số 13/2021/TT-BKHCN ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ KH&CN (khoản 16 Điều 4)
22.2	<i>Công tác phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử tại địa phương</i>	UBND cấp tỉnh	Bộ KH&CN	NLNT	Năm	
22.3	<i>Công tác quản lý an toàn bức xạ và hạt nhân toàn quốc</i>	Bộ KH&CN	Thủ tướng Chính phủ	ATBXHN	Năm	
B	Báo cáo của tổ chức, cá nhân gửi cơ quan hành chính nhà nước					
I	Lĩnh vực hoạt động KH&CN					
23	Báo cáo tình hình thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao	Tổ chức, cá nhân thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao	Bộ KH&CN	ĐTGT	Năm	Thông tư số 02/2018/TT-BKHCN ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chế độ báo cáo thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao; mẫu văn bản trong

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
						hoạt động cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ, đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (khoản 1 Điều 2)
24	Báo cáo kết quả hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao	Tổ chức, cá nhân	Bộ KH&CN	VPDK	Năm	Thông tư số 32/2011/TT-BKHCN ngày 15/11/2011 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về việc xác định tiêu chí dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao, doanh nghiệp công nghệ cao (khoản 1 Điều 9)
25	Báo cáo tình hình giám định máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng	Tổ chức giám định được chỉ định, thừa nhận thực hiện hoạt động giám định	Bộ KH&CN	ĐTĐ	Năm	Quyết định số 18/2019/QĐ-TTg ngày 19/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ Quy định việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, dây chuyền công

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
		máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ đã qua sử dụng				nghệ đã qua sử dụng (khoản 4 Điều 15)
26	Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá, giám định công nghệ	Tổ chức đánh giá, giám định công nghệ	Bộ KH&CN; Bộ quản lý ngành, lĩnh vực	DTG	Năm	Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ (khoản 1 Điều 40)
27	Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức KH&CN	Tổ chức KH&CN	- Bộ KH&CN; - Cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh	VPDK	Năm	Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức KH&CN, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức KH&CN (khoản 1 Điều 14)
28	Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ theo Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030	Tổ chức chủ trì nhiệm vụ	Bộ KH&CN	ƯDCN; NATIF	6 tháng; năm	Thông tư số 06/2021/TT-BKHCN ngày 18/6/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Hướng dẫn quản lý Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030 (khoản 1 Điều 18)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
29	Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN	Doanh nghiệp KH&CN	Cơ quan chuyên môn về KH&CN thuộc UBND cấp tỉnh		Năm	Thông tư số 10/2021/TT-BKHCN ngày 17/11/2021 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định biện pháp thi hành một số điều của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN (khoản 1 Điều 11)
II Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng						
30	Báo cáo tình hình hoạt động chứng nhận/thử nghiệm/giám định/kiểm định/công nhận	Tổ chức đánh giá sự phù hợp/Tổ chức công nhận	TDC	TDC	Năm	Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp (điểm a khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 29)
31	Báo cáo tình hình hoạt động đánh giá sự phù hợp được chỉ định đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ KH&CN	Tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định	Cơ quan đầu mối do Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh chỉ định	TDC	Năm	Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
						lượng sản phẩm, hàng hóa (khoản 2 Điều 18e)
32	Báo cáo tình hình sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo	Cơ sở sản xuất, nhập khẩu phương tiện đo	TĐC	TĐC	Năm	Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26/9/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 (khoản 7 Điều 23)
33	Báo cáo hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo	Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm	TĐC	TĐC	Năm	Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường (điểm d khoản 1 Điều 11)

STT	Tên báo cáo	Đối tượng thực hiện báo cáo	Cơ quan nhận báo cáo	Đơn vị trực thuộc Bộ KH&CN được giao chủ trì thực hiện/tổng hợp báo cáo	Tần suất báo cáo	Văn bản quy định chế độ báo cáo
34	Báo cáo tình hình hoạt động tư vấn/hoạt động đánh giá hệ thống quản lý chất lượng	Các tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận báo cáo tình hình hoạt động tư vấn, đánh giá HTQLCL theo TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước.	TĐC	TĐC	Năm	Thông tư số 26/2014/TT-BKHCN ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết thi hành Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước (điểm k khoản 1; điểm g khoản 2 Điều 22)
35	Báo cáo tình hình hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp	Các cơ sở đào tạo	TĐC	TĐC	Năm	Thông tư số 36/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ KH&CN quy định hoạt động đào tạo chuyên gia đánh giá hệ thống quản lý và chuyên gia đánh giá chứng nhận sản phẩm của tổ chức đánh giá sự phù hợp (khoản 9 Điều 11)

Số: 988 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử công chức đi công tác nước ngoài

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Quyết định số 4088/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chế cử công chức, viên chức đi công tác nước ngoài và sử dụng, quản lý hộ chiếu thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

Căn cứ Quyết định số 954/QĐ-BKHCN ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Đoàn công tác tại Cộng hòa Pháp và Thụy Sĩ;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử ông, bà có tên sau tham gia đoàn công tác do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Trưởng đoàn đi Cộng hòa Pháp và Thụy Sĩ để tham dự một số hoạt động của Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO); làm việc với một số Cơ quan của Pháp; tham dự Đại hội đồng của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) lần thứ 63 và làm việc với một số đối tác liên quan tại Thụy Sĩ;

1. Bà Trần Thị Thu Hương, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, công chức loại A3, ngạch chuyên viên cao cấp, mã ngạch 01.001;

2. Ông Hoàng Minh, Giám đốc Học viện Khoa học công nghệ và Đổi mới sáng tạo, công chức loại A3, ngạch chuyên viên cao cấp, mã ngạch 01.001;

3. Ông Lê Quang Thành, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, công chức loại A3, ngạch chuyên viên cao cấp, mã ngạch 01.001;

4. Ông Đàm Bạch Dương, Vụ trưởng Vụ Công nghệ cao, công chức loại A2, ngạch chuyên viên chính, mã ngạch 01.002;

5. Ông Phạm Đình Nguyên, Giám đốc Cơ quan điều hành Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Viên chức quản lý loại A3, ngạch chuyên viên cao cấp, mã ngạch 01.001;

6. Ông Lương Văn Thắng, Phó Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, công chức loại A2, ngạch chuyên viên chính, mã ngạch 01.002;

7. Ông Nguyễn Hoàng Giang, Phó Chánh Văn phòng Bộ, công chức loại A1, ngạch chuyên viên, mã ngạch 01.003;

8. Ông Nguyễn Đức Hoàng, Phó Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ, công chức loại A2, ngạch chuyên viên chính, mã ngạch 01.002;

9. Bà Hoàng Minh Hằng, Chuyên viên vụ Hợp tác quốc tế, công chức loại A1, ngạch chuyên viên, mã ngạch 01.003.

Thời gian: Từ ngày 07-15/7/2022 (chưa kể ngày đi và ngày về).

Chi phí chuyến đi: Mọi chi phí liên quan đến chuyến công tác bao gồm vé máy bay khứ hồi, tiền ăn, ở, taxi sân bay, thuê xe đi lại nội địa, tiền điện thoại, phí bảo hiểm, hộ chiếu, công hàm, phí xin thị thực, chiêu đãi, quà tặng, phiên dịch, puốc-boá, in ấn tài liệu và các chi phí liên quan khác được lấy từ kinh phí hợp tác quốc tế năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ do Văn phòng Bộ quản lý.

Cơ quan mời: Tổ chức giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO); Công điện của Phái đoàn đại diện thường trực Việt Nam tại Geneve.

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Ngoại giao;
- Các Thứ trưởng;
- Lưu: VT, TCCB.



Huỳnh Thành Đạt

Số: 989 /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cử công chức đi công tác nước ngoài

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

*Căn cứ Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22/11/2019;
Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;
Căn cứ Quyết định số 4088/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Quy chế cử công chức, viên chức đi công tác nước ngoài và sử dụng, quản lý hộ chiếu thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ;*

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-BKHCN ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Đoàn công tác tại Cộng hòa Áo;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử ông **Nguyễn Lê Toàn**, Chuyên viên Vụ Hợp tác quốc tế, công chức loại A1, bậc 6/9, ngạch chuyên viên, mã ngạch 01.003.

Đi nước/Vùng lãnh thổ: Cộng hòa Áo.

Thời gian: Từ ngày 18-24/6/2022.

Mục đích: Tham gia đoàn dự kỳ họp lần thứ 10 Ủy ban Hỗn hợp Việt Nam - Áo về hợp tác kinh tế và thương mại.

Chi phí chuyến đi: Mọi chi phí liên quan đến chuyến công tác bao gồm cả phí mua bảo hiểm được lấy từ kinh phí hợp tác quốc tế năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ do Văn phòng quản lý.

Cơ quan mời: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và ông Nguyễn Lê Toàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Ngoại giao;
- Lưu: VT, TCCB.



Bùi Thế Duy